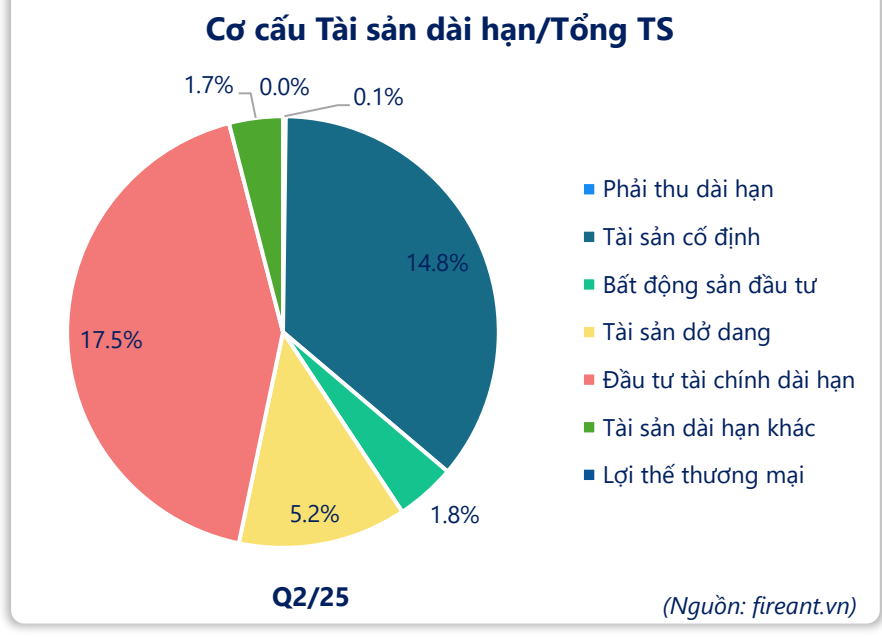
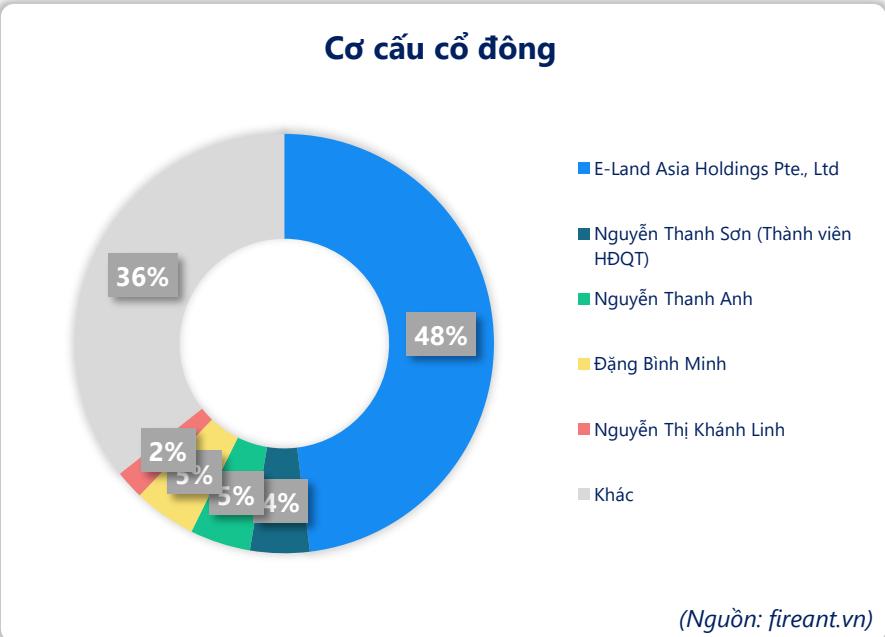
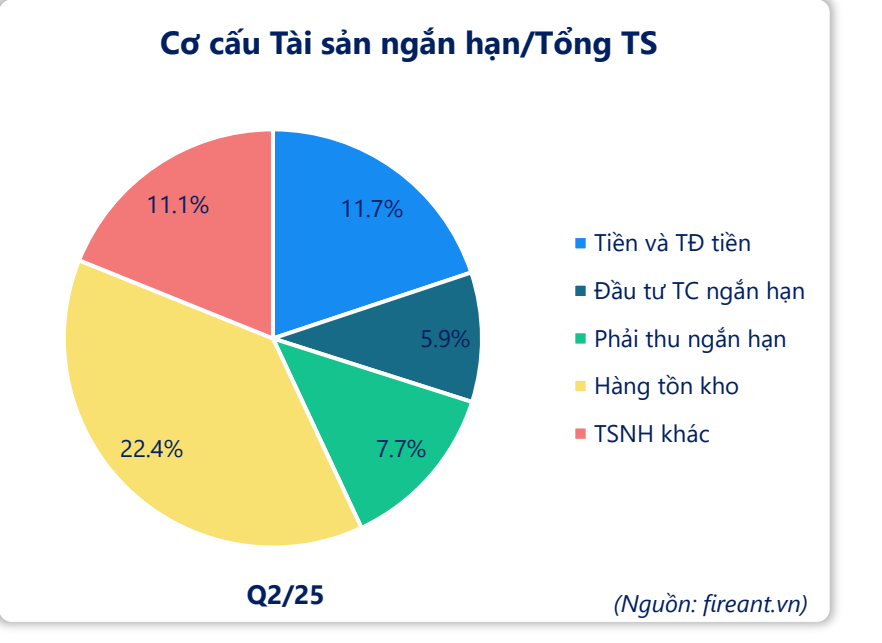
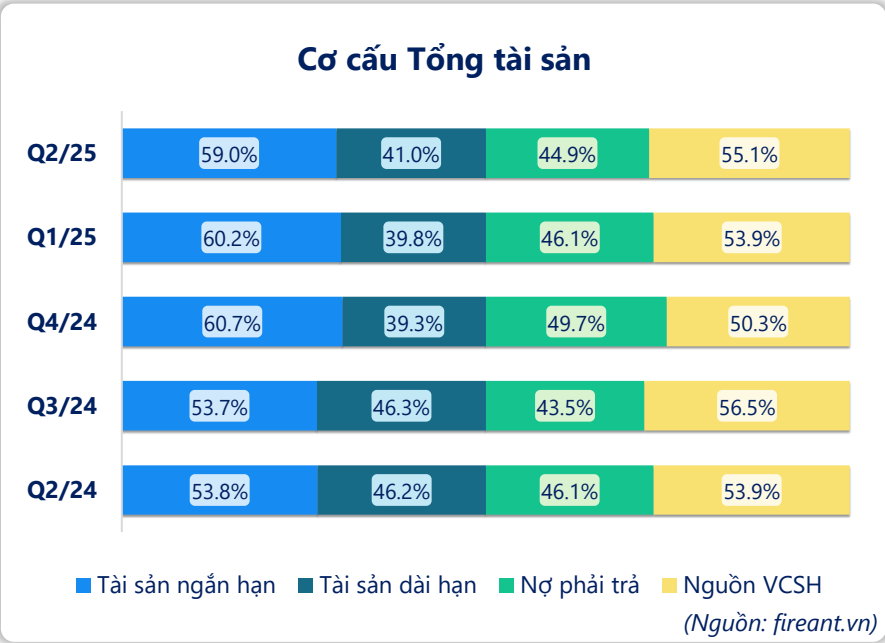
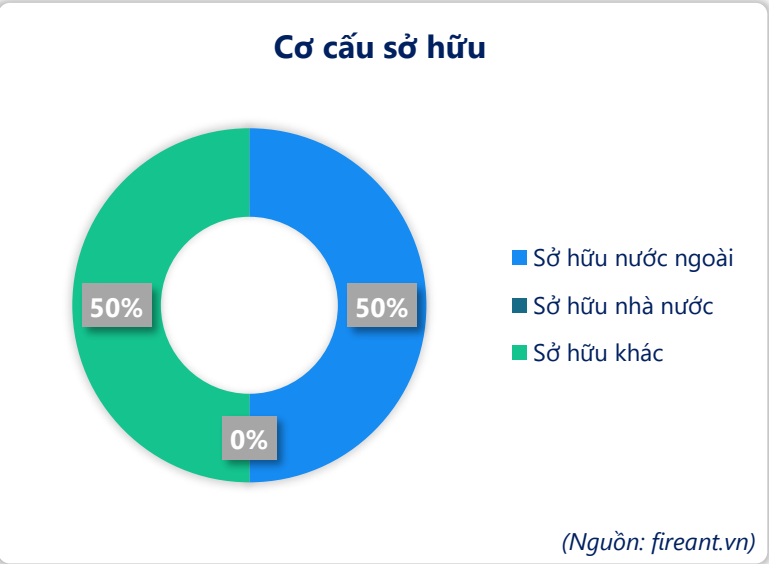
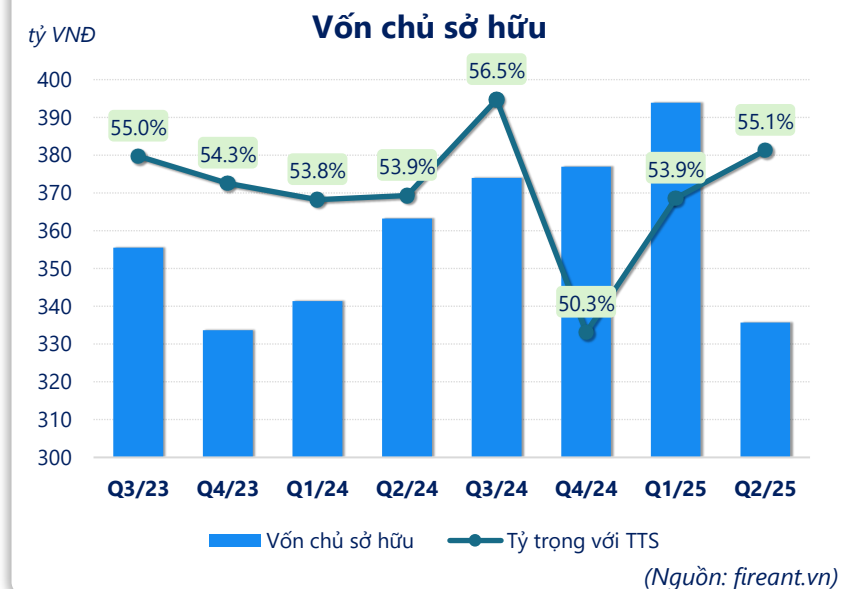
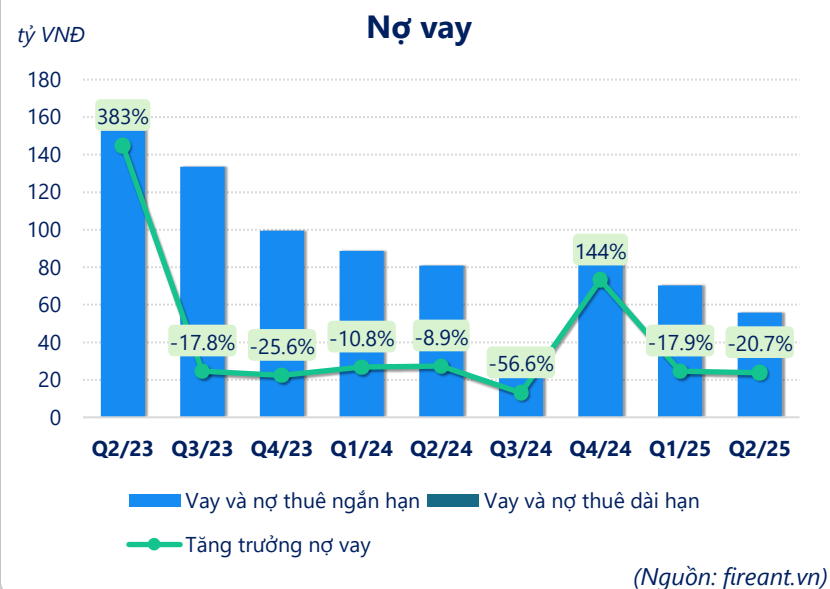
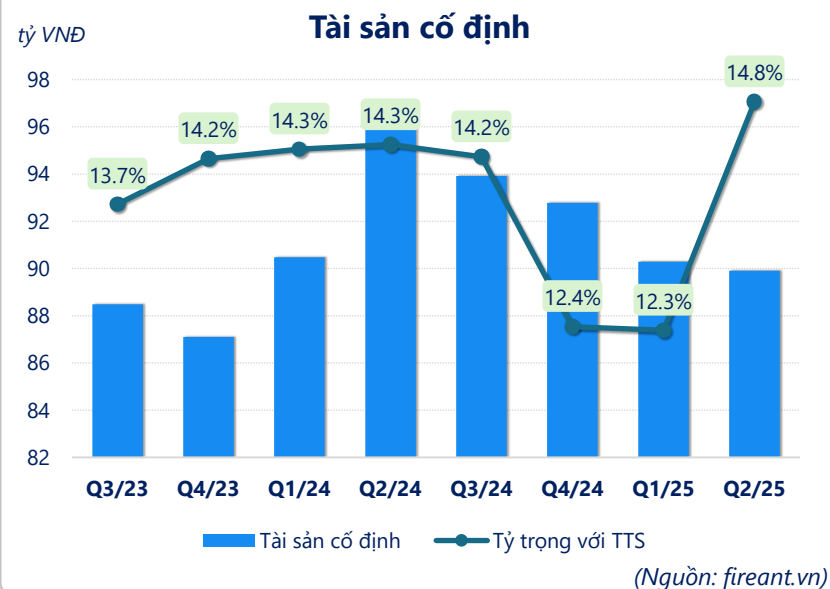
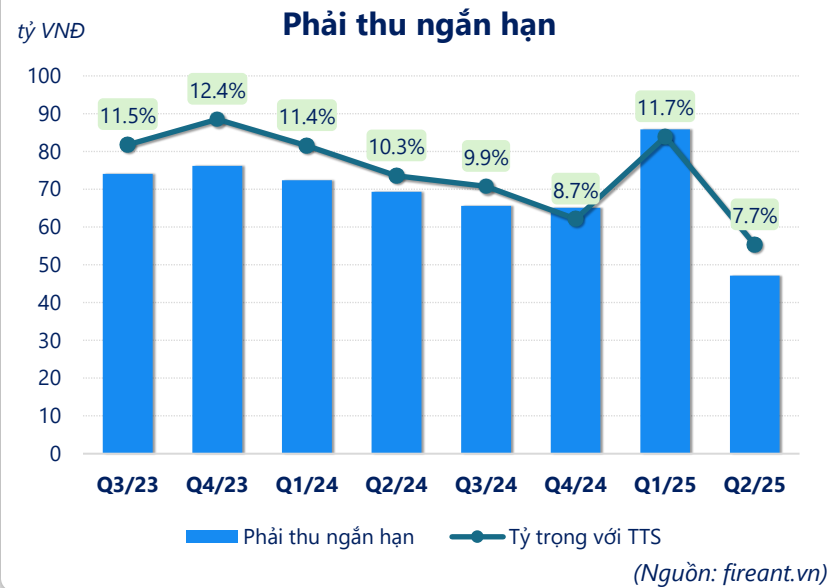
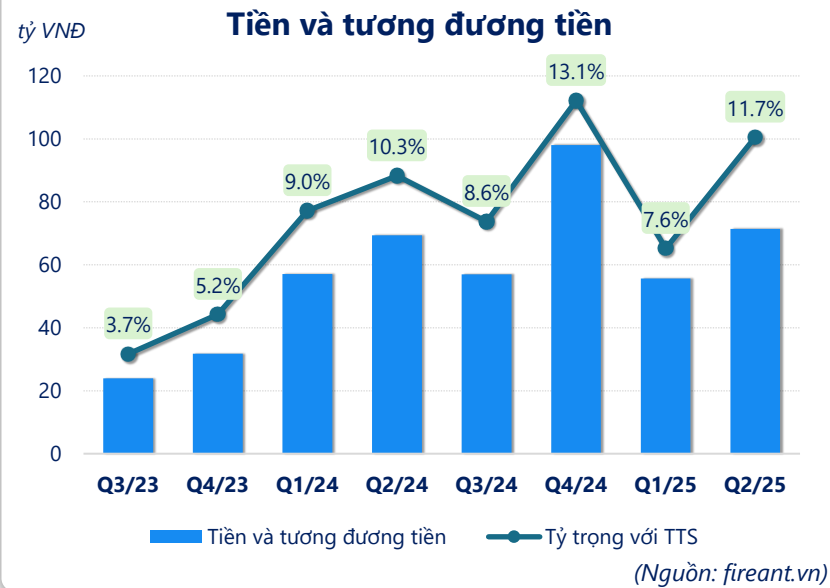
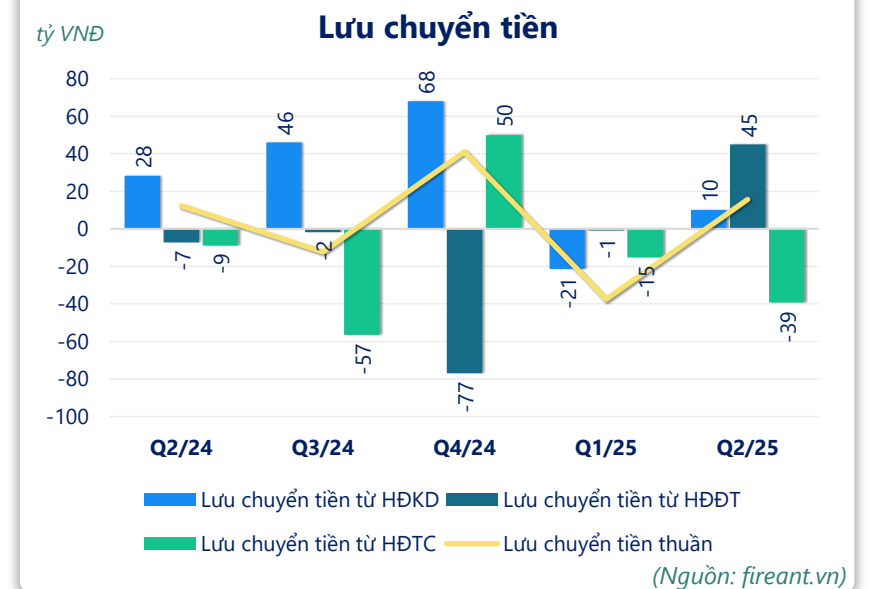
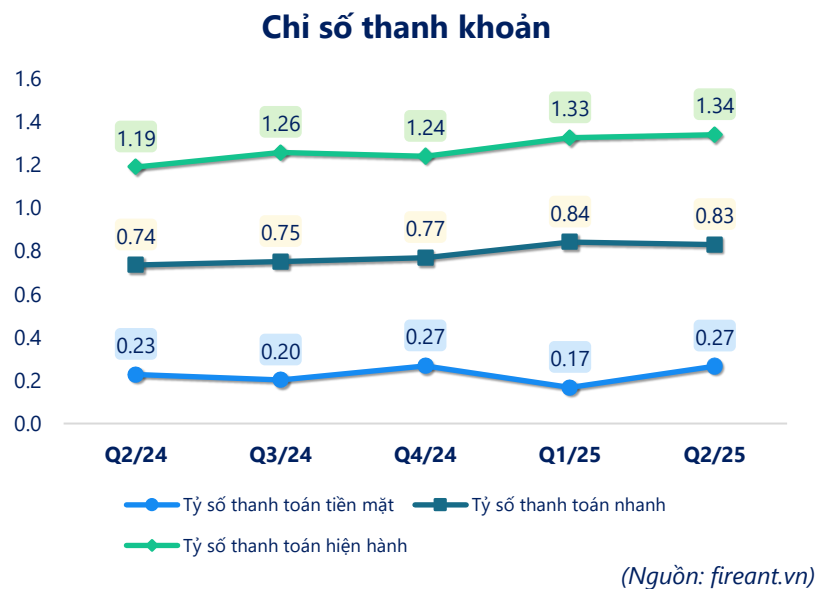
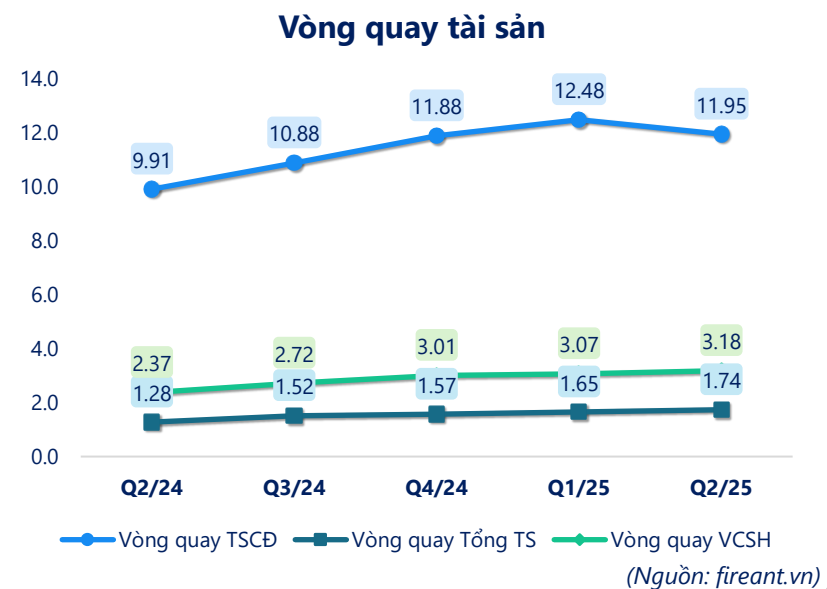
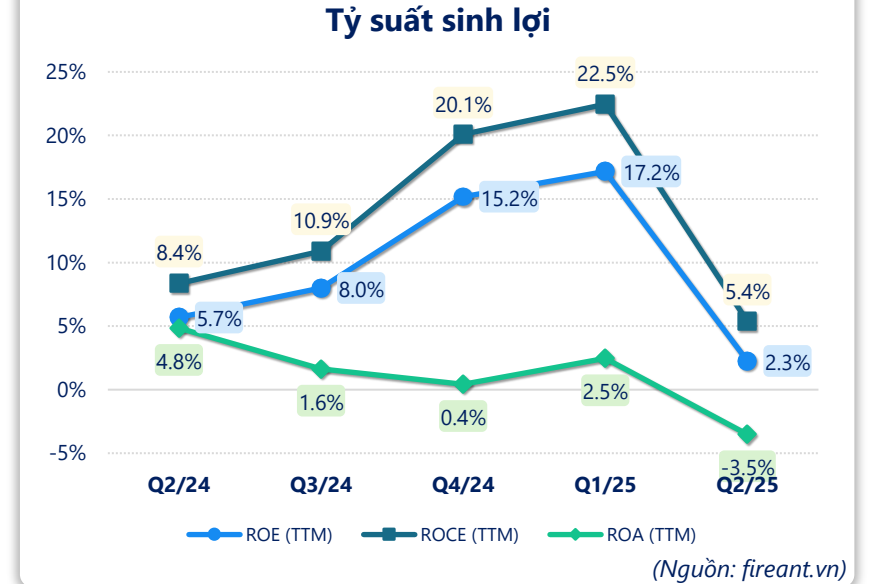
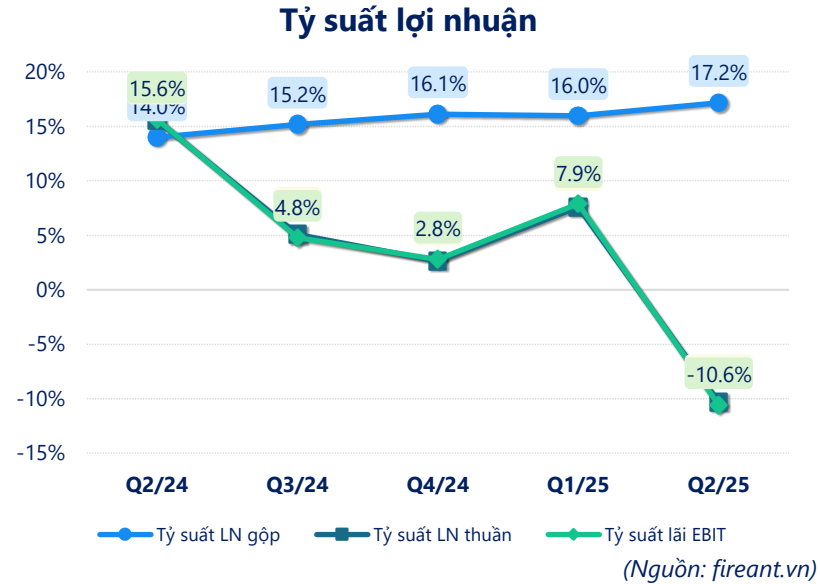
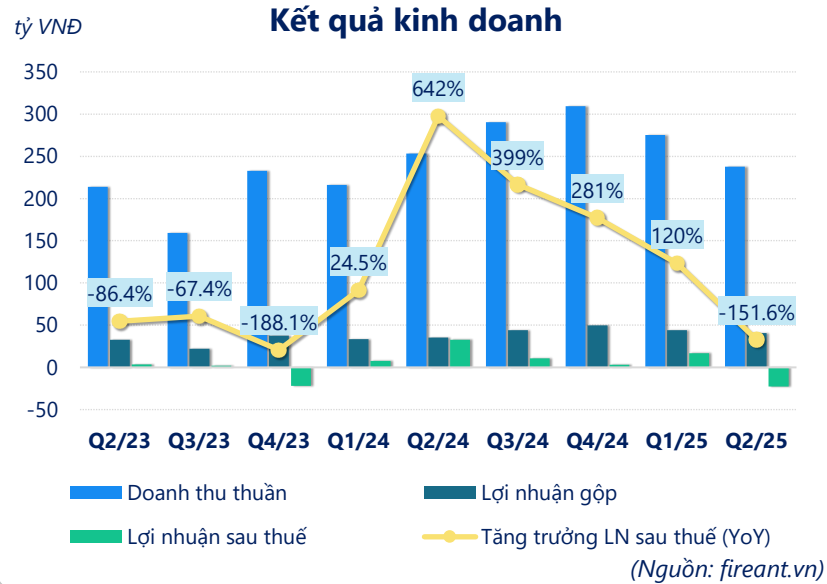


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,606
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,780
SL cổ phiếu LH		26,033,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)		82,345
% sở hữu nước ngoài		50.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		428
P/E		54.3
EPS		303

	YTD	1T	3T	6T
SAV	-11.3%	-4.4%	-8.7%	-12.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	609	749	-18.7%
Tài sản ngắn hạn	359	455	-21.0%
Tiền và tương đương tiền	71.4	93.1	-23.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.0	80.0	-55.0%
Phải thu ngắn hạn	47.1	65.1	-27.7%
Hàng tồn kho	137	172	-20.5%
Tài sản ngắn hạn khác	67.9	44.4	52.8%
Tài sản dài hạn	250	294	-15.1%
Phải thu dài hạn	0.52	0.52	0.0%
Tài sản cố định	89.9	92.8	-3.1%
Bất động sản đầu tư	11.2	11.5	-2.8%
Tài sản dở dang	31.5	33.3	-5.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	107	146	-26.7%
Tài sản dài hạn khác	10.1	10.7	-5.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	273	372	-26.5%
Nợ ngắn hạn	268	366	-26.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.7	85.6	-34.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	117	161	-27.2%
Nợ dài hạn	5.38	5.38	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	336	377	-11.0%
Vốn chủ sở hữu	336	377	-11.0%
Vốn điều lệ	264	252	4.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	253	290	309	275	238
Giá vốn hàng bán	218	246	259	231	197
Lợi nhuận gộp	35.5	44.0	49.9	43.9	40.8
Doanh thu HĐTC	3.21	2.36	5.36	5.51	3.59
Chi phí TC	-28.6	2.52	16.6	1.78	41.4
Chi phí lãi vay	0.81	0.48	0.44	0.73	0.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.1	15.7	16.8	14.3	14.1
Chi phí QLDN	10.8	13.5	13.7	12.4	13.4
LN thuần từ HĐKD	39.4	14.7	8.14	20.9	-24.5
Lợi nhuận khác	-0.57	-1.27	0.04	0.05	-1.22
LN trước thuế	38.8	13.4	8.18	21.0	-25.7
Lợi nhuận sau thuế	32.6	10.7	2.95	16.8	-22.6
LNST của CĐ cty mẹ	32.6	10.7	2.95	16.8	-22.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.2	46.0	68.0	-21.3	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.16	-1.75	-77.0	-0.91	44.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.86	-56.6	50.0	-15.3	-39.3
Tiền đầu kỳ	57.1	69.3	57.0	93.1	55.6
Lưu chuyển tiền thuần	12.2	-12.3	41.0	-37.5	15.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.00	0	0.11
Tiền cuối kỳ	69.3	57.0	98.0	55.6	71.4

(Nguồn: fireant.vn)